

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05/8/2022

*“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly
hôn, nuôi con chung”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Minh Huyền

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Duy Hiếu;

2. Ông Châu Khon Sốc;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Khoa Trung, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Trầm Ngọc Minh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 80/2022/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc “ *Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 13 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 27/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Néang P, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 2, ấp Phước Lộc, xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (có mặt);

2. Bị đơn: Ông Châu Som N, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ 2, ấp Phước Lộc, xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (vắng mặt);

3. Người phiên dịch: Ông Châu Pho Ly – Chức vụ: Giáo viên Trường trung cấp nghề dân tộc nội trú tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 02 năm 2022, bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án bà Néang P trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2008 bà và ông N quen biết nhau do tự tìm hiểu nên chúng tôi có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn số 57/2009, quyển số I,

ngày 20/4/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do ông N thường xuyên ăn nhậu về chửi vợ con, không chịu đi làm, mà còn đuổi vợ đi lúc bà P đang mang thai đứa con út, đầu năm 2019 thì vợ chồng có đi làm tại Bình Dương nhưng ông N chỉ đi làm được một tháng thì nghỉ và ông tiếp tục lo ăn nhậu tại phòng trọ để vợ nuôi, còn con chung thì đều do mẹ ruột bà P lo tiền cho ăn học. Nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2019 cho đến nay. Nay tình cảm không còn bà yêu cầu được ly hôn ông N.

Về con chung: Bà P và ông N có hai con chung tên Néang Chanh Đ, sinh ngày 08/5/2010 và Chau Sây Đ, sinh ngày 09/9/2017. Hiện tại hai đứa con đang do bà P nuôi dạy, bà yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ông Chau Som N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do chính đáng. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Nguyên đơn xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng, quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý giải quyết án Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 35, Điều 68, Điều 97, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng quy định về xét xử phiên tòa sơ thẩm.

Về chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, chấp hành đúng quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có đủ cơ sở để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Néang P khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Chau Som N có địa chỉ tại tổ 2, ấp Phước Lộc, xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nên thuộc tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản thông báo thụ lý, thông báo tham gia phiên họp và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông N vẫn vắng mặt lần hai. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Bà P và ông N quen biết nhau vào năm 2008 do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn số 57/2009, quyển số I, ngày 20/4/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nên đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Qua lời khai bà P cho rằng vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2019 là do ông N thường ăn nhậu về chửi vợ con, không chịu đi làm, đuổi chị đi lúc đang mang thai. Thời điểm đi làm ở Bình Dương thì ông N chỉ làm được một tháng thì nghỉ và tiếp tục ăn nhậu để cho vợ nuôi, còn con thì do mẹ ruột bà P lo cho ăn học nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2019 cho đến nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn ông N.

Kết quả xác minh tại ấp Phước Lộc, xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn cho biết: Vợ chồng bà P và ông N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Phước Lộc, xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Thời gian đầu hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì vợ chồng có mâu thuẫn với nhau nên thường cự cãi, nguyên nhân do ông N thường nhậu, ít quan tâm vợ con. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2022 nên bà P thì đi làm ở Bình Dương còn ông N vẫn hiện đang còn sinh sống tại địa P và ông cũng không có nghề nghiệp.

Thấy rằng vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nhưng trong thời gian sống chung vợ chồng bà P ông N lại thường cự cãi, ông N chỉ lo ăn nhậu, không quan tâm vợ con, không chịu đi làm để tiếp giúp vợ nuôi con chung và hiện vợ chồng vẫn còn sống ly thân, cho thấy ông đã không thực hiện tốt nghĩa vụ của người chồng, người cha trong gia đình quy phạm khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Đồng thời khi Tòa án mời tham gia hòa giải thì ông vẫn không đến điều này thể hiện ông cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Như vậy, xét thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Xét, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Bà P và ông N có hai con chung Néang Chanh Đ, sinh ngày 08/5/2010 và Chau Sây Đ, sinh ngày 09/9/2017. Hiện hai con chung đang do bà P nuôi dạy.

Bà P yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy hai con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung. Đồng thời tại biên bản ghi lời khai ngày 15/12/2021 của cháu Chanh Đ có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ và biên bản xác minh ngày 11/7/2022 tại ấp Phước Lộc cho rằng bà P có đi làm Bình Dương còn ông N thì không có nghề nghiệp.

Xét về con, hiện tại cháu Chanh Đ và cháu Sây Đ đều đang do bà P nuôi dạy. Đối với cháu Chanh Đ thì có nguyện vọng sống với mẹ còn cháu Chau Sây Đ hiện đang còn nhỏ. Do bà P cũng có nghề nghiệp nên đảm bảo đủ điều kiện để chăm sóc, giáo dục con tốt hơn. Từ đó để đảm bảo cho môi trường sống của hai cháu được ổn định thì giao hai cháu Néang Chanh Đ và cháu Chau Sây Đ cho bà P tiếp tục nuôi dạy là phù hợp. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà P không yêu cầu phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, xét chấp nhận.

Căn cứ theo khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật mà không ai được quyền cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Bà P khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân theo mức án phí không giá ngạch.

Ông N không phải chịu án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, khoản 1 Điều 19 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ cầu khởi kiện của Bà Néang P.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Néang P được ly hôn với ông Chau Som N

Giấy chứng nhận kết hôn số 57/2009, quyển số I, ngày 20/4/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Ô Lâm, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Bà Néang P được tiếp tục nuôi dạy hai con chung tên Néang Chanh Đ, sinh ngày 08/5/2010 và Chau Sây Đ, sinh ngày 09/9/2017 cho đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật mà không ai được quyền cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Néang P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008199 ngày 22/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Ông Chau Som N không phải chịu án phí hôn nhân

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân Tỉnh An Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS.ND huyện Tri Tôn;
- THA.DS huyện Tri Tôn;
- TAND Tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Minh Huyền